



200 câu hỏi trắc nghiệm QLDA - có ĐA

quản lý dự án (Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

NỘI DUNG BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MÔN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN.....	2
CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN.....	10
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN.....	12
CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ NGUỒN LỰC DỰ ÁN.....	20
CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ VÀ THỜI GIAN CỦA DỰ ÁN.....	23
CHƯƠNG 6. QUẢN LÝ CHI PHÍ DỰ ÁN.....	32
CHƯƠNG 7. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA DỰ ÁN.....	33
ĐÁP ÁN.....	39

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

I. CÂU ĐỀ

1. Bản chất cơ bản của một dự án là _____.
A. Vĩnh viễn
B. Tạm thời
C. A hoặc B
D. Cả A và B
2. Nếu bất kỳ yếu tố nào của dự án thay đổi, _____ yếu tố khác có khả năng bị ảnh hưởng.
A. Tất cả
B. Một
C. Ít nhất một
D. Nhiều nhất một
3. Một dự án bao gồm các yếu tố như sau:
I. Thời điểm bắt đầu và kết thúc
II. Mục đích cụ thể
III. Những điều kiện ràng buộc
A. Chỉ I
B. Chỉ II
C. Chỉ I và II
D. I, II và III
4. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của một dự án?
A. Có mục đích cụ thể
B. Có thời điểm bắt đầu và kết thúc cụ thể
C. Các hoạt động được liên kết và tổ chức chặt chẽ
D. Chỉ lưu hành trong nội bộ
5. Điều kiện nào sau đây không phải là điều kiện ràng buộc trong quản lý dự án?
A. Thời gian
B. Con người
C. Ngân sách
D. Phạm vi
6. Hình thức nào dưới đây không phải là kênh giao tiếp chính thức trong QLDA?
A. Hợp đồng
B. E-mail
C. Bản báo cáo
D. Cuộc họp
7. Câu nào sau đây KHÔNG mô tả đúng về đặc điểm của một dự án?
A. Bị giới hạn bởi các nguồn lực hạn chế
B. Được thực hiện theo kế hoạch và được kiểm soát
C. Tạo ra một sản phẩm hoặc dịch vụ duy nhất
D. Có tính liên tục và lặp lại

8. Câu nào sau đây KHÔNG liên quan đến việc quản lý nguồn lực?
- A. Xác định nguồn lực.
 - B. Chi phối nguồn lực.
 - C. Phân bổ nguồn lực cho các hoạt động.
 - D. Cân đối nguồn lực dựa trên kế hoạch.
9. Câu nào sau đây thể hiện đúng chu kỳ dự án?
- A. Lập kế hoạch → Xác định → Thực hiện → Bàn giao
 - B. Lập kế hoạch → Thực hiện → Xác định → Bàn giao
 - C. Xác định → Lập kế hoạch → Thực hiện → Bàn giao
 - D. Xác định → Thực hiện → Lập kế hoạch → Bàn giao
10. Đối tượng nào sau đây quan tâm nhiều nhất đến hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của dự án:
- A. Chủ đầu tư
 - B. Cấp chính quyền
 - C. Ngân hàng
 - D. Cơ quan ngân sách Nhà nước
11. Đối tượng nào sau đây quan tâm nhiều nhất đến hiệu quả tài chính của dự án:
- A. Chủ đầu tư
 - B. Cấp chính quyền
 - C. Ngân hàng
 - D. Cơ quan ngân sách Nhà nước
12. Phạm vi công việc được xác định trong giai đoạn nào của quản lý dự án?
- A. Xác định
 - B. Lập kế hoạch
 - C. Thực hiện
 - D. Bàn giao
13. Việc tổng kết đánh giá dự án và rút ra những bài học kinh nghiệm thường được thực hiện trong giai đoạn _____.
- A. Xác định
 - B. Lập kế hoạch
 - C. Thực hiện
 - D. Bàn giao
14. Xác định các yêu cầu của dự án và thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy dự án được thực hiện trong giai đoạn _____.
- A. Xác định
 - B. Lập kế hoạch
 - C. Thực hiện
 - D. Bàn giao
15. Việc nào sau đây không phải là một trong các giai đoạn của vòng đời dự án?
- A. Xác định
 - B. Lập kế hoạch
 - C. Thực hiện

D. Khai trương

16. Quản lý dự án được chia thành _____ nhóm quy trình.

- A. 5
- B. 7
- C. 9
- D. 11

17. Bản điều lệ dự án là kết quả của Nhóm quy trình nào?

- A. Kiểm soát
- B. Thực thi dự án
- C. Lập kế hoạch
- D. Khởi sự

18. Nhóm quy trình nào sau đây chỉ được thực hiện sau khi dự án chính thức được cấp phép?

- A. Khởi sự
- B. Lập kế hoạch
- C. Thực thi dự án
- D. Kiểm soát dự án

19. Những người tham gia vào một dự án hoặc bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của dự án được gọi là

- A. Cổ đông
- B. Các chủ thể liên quan tới dự án
- C. Nhóm dự án
- D. Nhân viên phòng ban

II. CÂU TRUNG BÌNH

20. Hoạt động nào sau đây không được coi là một dự án?

- A. Phát triển một chương trình phần mềm mới
- B. Thiết kế trạm vũ trụ
- C. Sản xuất sắm lớp ô tô
- D. Phát triển một chương trình quảng cáo mới

21. Văn hóa của doanh nghiệp _____ (chọn câu đúng nhất trong các câu sau).

- A. Khó có thể diễn đạt và dễ thay đổi.
- B. Hay bị bỏ qua khi thực hiện các quy trình quản lý dự án.
- C. Có nhiều khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến dự án.
- D. Không có khả năng ảnh hưởng đến dự án.

22. Dự án khác với hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp ở điểm nào?

- A. Là duy nhất
- B. Có sự tham gia của nhiều người
- C. Có một cán bộ quản lý dự án
- D. Không phải là nhiệm vụ có tính lặp đi lặp lại dựa trên các thủ tục hiện có của doanh nghiệp.

23. Câu nào sau đây là đúng?

- A. Mở rộng phạm vi dự án có thể khiến cho chi phí tăng lên.
- B. Rút ngắn thời gian thực hiện dự án có thể nâng cao chất lượng dự án.
- C. Bổ sung thêm các yêu cầu về chất lượng dự án có thể làm giảm bớt chi phí.
- D. Giảm chi phí dự án có thể làm rút ngắn thời gian dự án.

24. Việc nào sau đây khó có thể được coi là yếu tố mang lại thành công nhất?

- A. Mục tiêu của dự án là sẽ không có bất kỳ yêu cầu thay đổi nào.
- B. Ngày hoàn thành dự án đã được xác định.
- C. Bàn giao các sản phẩm đáp ứng đúng các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật.
- D. Thường cho cán bộ quản lý cấp cao.

25. Một dự án thường được định nghĩa dựa trên phạm vi, thời gian, chi phí và _____.

- A. Những lợi ích mang lại.
- B. Chất lượng.
- C. Độ bền.
- D. Quyền kiểm soát.

26. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Khó có thể cải thiện được các hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp.
- B. Các hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp khó quản lý hơn các dự án.
- C. Các dự án là những nỗ lực tạm thời mang lại sự thay đổi cho các hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp.
- D. Một dự án luôn là điểm khởi đầu cho việc tinh lọc bộ máy hoạt động của doanh nghiệp.

27. Câu nào sau đây mô tả đúng nhất về dự án?

- A. Dự án là một tập hợp các công cụ và kỹ thuật được sử dụng để tạo ra sự thay đổi cho tổ chức.
- B. Dự án là chuỗi các hoạt động cần thực hiện để loại bỏ các yếu tố bất định ra khỏi một nghiệp vụ thường xuyên.
- C. Một nỗ lực tạm thời và duy nhất, được thực hiện để đạt được một kết quả mong muốn.
- D. Dự án là một phương pháp lập kế hoạch làm việc.

28. Một yếu tố quan trọng trong quản lý một dự án bao gồm:

- A. Xác định hệ thống nào sẽ được đưa vào hoạt động.
- B. Xác định các hoạt động thường xuyên.
- C. Đảm bảo các hoạt động thường xuyên luôn được thực hiện.
- D. Lập kế hoạch để đạt được những mục đích nhất định.

29. Thành lập nhóm dự án và phân công trách nhiệm cho các thành viên được thực hiện trong giai đoạn nào của quản lý dự án?

- A. Xác định
- B. Lập kế hoạch
- C. Thực hiện
- D. Bàn giao

30. Sau khi dự án được phê duyệt và chuyển sang giai đoạn lập kế hoạch, việc gì sẽ diễn ra trong giai đoạn này của vòng đời dự án?

- A. Cần ký kết các thỏa thuận chia sẻ rủi ro.
- B. Rủi ro của dự án thường giảm dần khi thực hiện các hoạt động của dự án.

- C. Cần cân nhắc giữa rủi ro với cơ hội thành công của dự án để quyết định xem có nên chọn dự án hay không.
- D. Xác định những rủi ro tương ứng với từng nhóm hoạt động chính của dự án.

31. Giai đoạn nào trong quản lý dự án sẽ giải đáp cho câu hỏi “Công việc của dự án sẽ được thực hiện, giám sát và kiểm soát như thế nào?”

- A. Xác định
- B. Lập kế hoạch
- C. Thực hiện
- D. Bàn giao

32. Việc nào sau đây không phải là một trong các giai đoạn của vòng đời dự án?

- A. Khái niệm
- B. Xác định
- C. Lập kế hoạch
- D. Bàn giao

33. Trong giai đoạn nào của dự án sẽ cần xác định các mục tiêu, thành lập các nhóm dự án và phân công trách nhiệm cho từng nhân sự?

- A. Xác định
- B. Lập kế hoạch
- C. Thực hiện
- D. Bàn giao

34. Trong giai đoạn nào của dự án sẽ cần xác định được chi tiết tiến độ thực hiện dự án, cách thức quản lý nguồn lực và tính toán chi phí?

- A. Xác định
- B. Lập kế hoạch
- C. Thực hiện
- D. Bàn giao

35. Đây là kết quả của Nhóm quy trình Lập kế hoạch?

- A. Sản phẩm, dịch vụ hoặc kết quả cuối cùng của dự án
- B. Bài học kinh nghiệm rút ra cơ sở kiến thức
- C. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp
- D. Kế hoạch quản lý dự án

36. Trong nhóm quy trình Kiểm soát dự án, nếu có bất kỳ vấn đề gì xảy ra thì nhà quản lý dự án phải chỉnh sửa gì?

- A. Tiến độ dự án
- B. Điều lệ dự án
- C. Kế hoạch quản lý dự án
- D. Công việc dự án

37. Bước đầu tiên trong Nhóm quy trình lập kế hoạch dự án là gì?

- A. Sàng lọc lại các mục tiêu và phạm vi.
- B. Xác định ngân sách.
- C. Kiểm tra các sản phẩm sẽ bàn giao.
- D. Xác định các ràng buộc của dự án.

38. Bước nào sau đây là bước cuối cùng của Nhóm quy trình Kết thúc dự án?
- A. Khách hàng đã nhận đủ sản phẩm.
 - B. Lưu trữ tất cả tài liệu vào một kho dữ liệu duy nhất của tổ chức.
 - C. Khách hàng đánh giá cao sản phẩm của em.
 - D. Rút ra bài học kinh nghiệm.
39. Giai đoạn của dự án là gì?
- A. Một chuỗi các hoạt động dự án có liên quan đến nhau để hoàn thành một hoặc nhiều công việc dự án.
 - B. Thực hiện một hoạt động đơn lẻ để đưa ra một kết quả nhất định.
 - C. Bao gồm các công việc có các nội dung rất giống nhau.
 - D. Thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định trong suốt dự án.
40. Nhóm quy trình nào sau đây chi tiêu phần lớn kinh phí của dự án?
- A. Khởi sự
 - B. Lập kế hoạch
 - C. Thực thi dự án
 - D. Kiểm soát dự án
41. Nhóm quy trình nào sau đây được lặp lại ở mỗi giai đoạn trong các dự án lớn?
- A. Khởi sự
 - B. Lập kế hoạch
 - C. Thực thi dự án
 - D. Kiểm soát dự án
42. Trong nhóm quy trình Kiểm soát dự án, các điều chỉnh thường thấy nhất là điều chỉnh về?
- A. Nhân sự, tiến độ dự án, hiệu suất
 - B. Lịch trình, chất lượng, chi phí
 - C. Nhân sự, lịch trình, chi phí
 - D. Chi phí, nhân sự, hiệu suất
43. Những công việc nào sau đây nằm trong nhóm quy trình kiểm soát dự án?
- A. Theo dõi, xem xét, điều tiết quá trình và tiến độ của dự án
 - B. Xác định những bộ phận dự án cần thay đổi
 - C. Bắt đầu những thay đổi tương ứng với thay đổi từ những bộ phận dự án
 - D. Tất cả những công việc kể trên
44. Thông qua các giai đoạn của dự án, những đặc điểm nào dưới đây là đúng?
- A. Mức chi phí và yêu cầu nhân lực thường thấp khi mới bắt đầu dự án, tăng cao hơn ở thời kỳ phát triển, nhưng giảm nhanh chóng khi dự án bước vào giai đoạn kết thúc.
 - B. Xác suất hoàn thành dự án thành công thấp nhất và do đó rủi ro là cao nhất khi dự án bắt đầu.
 - C. Khả năng ảnh hưởng của chủ đầu tư tới đặc tính cuối cùng của sản phẩm dự án và do đó tới chi phí là cao nhất vào thời kỳ bắt đầu và giảm mạnh khi dự án ở các giai đoạn tiếp theo.
 - D. Tất cả các đặc điểm kể trên.
45. Mục nào sau đây không nằm trong phạm vi dự án?
- A. Mức độ dịch vụ

- B. Các quy định phải tuân thủ
- C. Chất lượng của sản phẩm
- D. Xác định nhà tài trợ cho dự án

46. Mục đích chính của Bản kế hoạch quản lý dự án là:

- A. Cung cấp thông tin về việc đánh giá những lợi ích, chi phí và rủi ro của các lựa chọn dự án thay thế khác.
- B. Đảm bảo nhà tài trợ dự án sẽ kiểm soát tốt các hoạt động của nhà quản lý dự án.
- C. Mô tả kết quả của nhóm quy trình lập kế hoạch và cung cấp các tài liệu hướng dẫn việc thực thi dự án.
- D. Mô tả kết quả của quy trình quản lý rủi ro, con người và các nguồn lực.

III. CÂU KHÓ

47. Trong các ý sau thì một hay những ý nào là đúng với dự án?

- I. Mang lại sự thay đổi
 - II. Có rủi ro
 - III. Chắc chắn đem lại kết quả nhất định
- A. I
 - B. II
 - C. I và II
 - D. I, II và III

48. Nhận định nào dưới đây là không chính xác về giai đoạn đầu của một dự án?

- A. Chi phí thực hiện giai đoạn này là cao nhất trong dự án.
- B. Các chủ thể liên quan tới dự án có tầm ảnh hưởng nhiều nhất trong giai đoạn này.
- C. Giai đoạn này là giai đoạn không chắc chắn nhất trong dự án.
- D. Tất cả những nhận định trên đều đúng.

49. Dự án có thể được định nghĩa là _____.

- A. Một nỗ lực lâu dài, sử dụng nhiều nguồn lực, nhằm đạt được những mục đích cụ thể, dựa trên những thông số kỹ thuật nhất định.
- B. Một nỗ lực tạm thời với một chuỗi các nhiệm vụ, có thời điểm bắt đầu và kết thúc, với các nguồn lực không bị giới hạn để mang lại kết quả lâu dài.
- C. Một nỗ lực tạm thời được thực hiện nhằm đạt được những mục đích cụ thể và mang lại kết quả lâu dài, trong điều kiện ràng buộc về thời gian, chi phí và kết quả hoạt động.
- D. Một nỗ lực lâu dài với một chuỗi các nhiệm vụ, nhằm đạt được những mục đích cụ thể dựa trên những thông số kỹ thuật nhất định, có thời điểm bắt đầu và kết thúc, bị giới hạn bởi những nguồn lực hạn chế, và mang lại kết quả lâu dài.

50. Nguồn lực bị hạn chế thường KHÔNG xảy ra trong trường hợp nào dưới đây:

- A. Mặt bằng chật hẹp, không thể bố trí nhiều lao động (hay thiết bị) để đồng thời thực hiện các công việc cùng lúc.
- B. Đường vào nơi thi công rộng rãi, an toàn, có thể đưa nhiều thiết bị tới thực hiện các công việc cùng một lúc.
- C. Số lượng máy móc, thiết bị không đáp ứng đủ yêu cầu thi công, sản xuất, do không có hoặc không thể mua thêm.

D. Do yêu cầu đảm bảo sức khỏe, không thể để nhiều lao động cùng một lúc làm việc tại một nơi.

51. Câu nào sau đây mô tả đúng nhất về môi trường quản lý dự án?

- A. Loại hình tổ chức liên quan đến việc thực hiện dự án.
- B. Một phương pháp được sử dụng để kiểm soát dự án.
- C. Các nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp có ảnh hưởng đến sự thành công của dự án.
- D. Tất cả những rủi ro liên quan đến dự án.

52. Hoạt động nào sau đây KHÔNG phải là một phần trong quản lý dự án?

- A. Xác định
- B. Giám sát
- C. Bàn giao
- D. Tất cả những hoạt động trên đều thuộc quản lý dự án.

53. (Điền vào chỗ trống) Ngay trong giai đoạn _____, phải đưa ra được quyết định xem dự án có nên tiếp tục hay không. Hơn nữa, trong giai đoạn phải đánh giá và xem xét cẩn thận các _____ so với những lợi ích có thể đạt được nếu như dự án thành công.

- A. hoàn thành, chi phí
- B. thực hiện, hiệu suất
- C. lập kế hoạch, thời gian
- D. xác định, rủi ro

54. Những công việc nào sau đây được thực hiện trong Nhóm quy trình lập kế hoạch dự án?

- A. Xác định quy mô, Xây dựng lịch trình, Lập kế hoạch quản lý rủi ro, Lập kế hoạch quản lý dự án
- B. Kế hoạch quản lý chất lượng, Kế hoạch quản lý mua sắm, Kế hoạch ứng phó rủi ro, Kiểm soát chi phí
- C. Quản lý chất lượng, Xây dựng nhóm dự án, Quản lý truyền thông, Lập kế hoạch quản lý rủi ro
- D. Xác thực quy mô, Kiểm soát chất lượng, Kiểm soát lịch trình, Kiểm soát chi phí

55. Giả sử nhóm dự án của em vừa ngồi họp với khách hàng để xem xét lấy ý kiến chấp thuận các sản phẩm bàn giao của dự án một cách chính thức từ khách hàng. Việc này nằm trong Nhóm quy trình nào?

- A. Kiểm soát dự án
- B. Thực thi dự án
- C. Lập kế hoạch
- D. Kết thúc dự án

56. Một trong những lý do vòng đời dự án được chia thành các giai đoạn là để:

- A. Giúp cho việc ra quyết định nên tiếp tục triển khai dự án nữa hay không.
- B. Cân đối chi phí của các công việc trong từng giai đoạn phát triển dự án.
- C. Phản ánh về việc sử dụng các nguồn lực trong suốt dự án.
- D. Chia nhỏ dự án thành các công việc với thời gian tương đương nhau.

57. Nhóm dự án đang thực hiện quy trình Kiểm soát dự án của dự án cải thiện quy trình hoạt động của nhà máy. Việc nào có thể được thực hiện trong quá trình này?
- A. So sánh giữa hiệu suất thực tế với kế hoạch quản lý dự án
 - B. Thực hiện các yêu cầu thay đổi dự án đã được phê duyệt để đạt được mục tiêu của dự án
 - C. Phân tích các yêu cầu thay đổi dự án nhằm phê duyệt hoặc bác bỏ
 - D. Được khách hàng hoặc chủ đầu tư chính thức phê duyệt các giao phẩm dự án

CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN

I. CÂU ĐỀ

1. Ai là người chịu trách nhiệm chính trong các thành viên của nhóm dự án?
 - A. Nhà cung cấp.
 - B. Khách hàng.
 - C. Giám đốc tài chính.
 - D. Nhà quản lý dự án.
2. Trong mô hình ma trận yếu, vai trò của người quản lý dự án có thể là:
 - A. Điều phối viên
 - B. Người quản lý có thẩm quyền cao nhất
 - C. Người hỗ trợ
 - D. Trưởng phòng chức năng
3. Trong mô hình ma trận cân bằng, câu nào dưới đây mô tả đúng nhất về vai trò của người quản lý dự án:
 - A. Là người quản lý chức năng cao nhất trong dự án
 - B. Là người điều phối dự án
 - C. Có thẩm quyền ngang bằng với các trưởng phòng chức năng trong các quyết định dự án
 - D. Là người không có thẩm quyền trong các quyết định dự án
4. Trong mô hình quản lý dự án nào dưới đây người quản lý dự án có toàn bộ thẩm quyền trong các quyết định dự án?
 - A. Mô hình tổ chức quản lý theo dự án.
 - B. Mô hình tổ chức dự án dạng ma trận mạnh.
 - C. Mô hình tổ chức quản lý theo chức năng.
 - D. Mô hình tổ chức dự án dạng ma trận yếu.
5. Trong mô hình quản lý dự án nào dưới đây một nhân sự sẽ được chọn ra để hỗ trợ công việc cho các trưởng phòng chức năng trong việc điều phối dự án?
 - A. Mô hình tổ chức dự án dạng ma trận cân bằng.
 - B. Mô hình tổ chức dự án dạng ma trận mạnh.
 - C. Mô hình tổ chức quản lý theo chức năng.
 - D. Mô hình tổ chức quản lý theo dự án.

II. CÂU TRUNG BÌNH

6. Điều nào sau đây không phải là vai trò của người quản lý dự án?
- A. Kiểm tra giám sát ngân sách
 - B. Báo cáo kết quả và tiến trình thực hiện dự án
 - C. Phân định rõ vai trò và trách nhiệm cho những người tham gia dự án
 - D. Tất cả các câu trên đều đúng
7. Phát biểu nào sau đây là đúng?
- A. Quản lý dự án tìm cách sử dụng, phân bổ tốt nhất các nguồn lực trong và ngoài doanh nghiệp để đạt được mục tiêu dự án.
 - B. Quản lý dự án ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được các chiến lược của tổ chức.
 - C. Quản lý dự án đang được các doanh nghiệp ra sức áp dụng ở một mức độ đồng nhất.
 - D. Cả A và B đều đúng.
8. Giả sử em làm việc cho công ty dược phẩm CureAll Pharmaceutical Ltd. với vai trò quản lý việc giới thiệu một dược phẩm hoàn toàn mới ra thị trường. Vậy em đóng vai trò gì trong công ty?
- A. Nhà quản lý chức năng, vì em có kiến thức chuyên sâu về ngành dược phẩm.
 - B. Nhà quản lý nghiệp vụ, vì em phải thực hiện một số công việc lặp đi lặp lại.
 - C. Nhà quản lý dự án, vì em quản lý dự án tạo ra một sản phẩm duy nhất trong một khoảng thời gian nhất định.
 - D. Nhà quản lý chương trình, vì em phải quản lý một số dự án để làm tròn trách nhiệm của mình một cách hiệu quả.
9. Trong quản lý một dự án phức tạp, đa chức năng thì thẩm quyền của người quản lý dự án là cao nhất trong cấu trúc tổ chức nào sau đây?
- A. Ma trận cân bằng.
 - B. Ma trận mạnh.
 - C. Chức năng.
 - D. Ma trận yếu.
10. Trong mô hình ma trận yếu, Lâm – người quản lý dự án, luôn phải nỗ lực hợp tác với nhóm dự án và các chủ thể liên quan tới dự án để đảm bảo dự án sẽ thành công. Đó là vì:
- A. Lâm có thẩm quyền rất cao.
 - B. Lâm không có hoặc có thẩm quyền thấp.
 - C. Lâm làm việc dưới sự giám sát của các nhà quản lý chức năng.
 - D. Lâm có thẩm quyền linh hoạt.
11. Nếu doanh nghiệp tổ chức quản lý dự án theo mô hình ma trận yếu, thì chủ thể nào dưới đây có toàn quyền đối với việc quản lý ngân sách dự án?
- A. Người quản lý dự án.
 - B. Trưởng phòng chức năng.
 - C. Văn phòng quản lý dự án.
 - D. Nhà tài trợ dự án.

III. CÂU KHÓ

12. Mục tiêu quan trọng nhất trong việc lập kế hoạch dự án nhằm đáp ứng các yêu cầu đề ra, trong khoảng thời gian cho phép với chi phí thấp nhất là gì?
- Đánh giá việc quản lý rủi ro
 - Nâng cao việc ngăn chặn các lỗi sai trong quá trình thực hiện
 - Yêu cầu tất cả nhân sự dự án cũng như các đối tác kinh doanh phải cam kết về chất lượng đầu ra
 - Lập kế hoạch thực hiện dự án phù hợp với độ phức tạp của dự án
13. Khi nào thì cần xác định và phân công nhiệm vụ cho Người quản lý dự án?
- Trước khi bắt đầu giai đoạn Xây dựng Bản điều lệ dự án
 - Khi kết thúc giai đoạn Xây dựng Bản điều lệ dự án
 - Trước khi bắt đầu giai đoạn Lập kế hoạch
 - Trước khi bắt đầu giai đoạn Xây dựng Phạm vi sơ bộ
14. Câu nào mô tả đúng nhất vai trò của người quản lý dự án:
- Có chuyên môn duy nhất có khả năng tính toán các thông số kỹ thuật về chi phí và thời gian.
 - Đảm bảo thực hiện mục tiêu của dự án và đưa ra phương pháp để đạt các mục tiêu đó một cách nhanh nhất.
 - Chịu trách nhiệm cho việc cung cấp các kết quả kinh doanh.
 - Giao phó toàn bộ trách nhiệm quản lý thời gian, chi phí và chất lượng cho các nhóm trưởng.

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN

I. CÂU ĐỀ

1. Căn cứ vào chỉ tiêu Hiện giá thuần (NPV – Net Present Value) để chọn dự án, khi:
- $NPV \geq 0$
 - $NPV < 0$
 - $NPV = \text{Lãi suất tính toán}$ ()
 - $NPV < \text{Lãi suất tính toán}$ ()
2. Nếu khả năng ngân sách có giới hạn, cần phải chọn một nhóm các dự án để thực hiện, khi có:
- NPV lớn nhất
 - NPV nhỏ nhất
 - NPV trung bình
 - Tuỳ từng trường hợp cụ thể

3. Ngân lưu ròng của một dự án, như sau:

Năm	0	1
Ngân lưu ròng	-1000	1200

Với lãi suất tính toán là 10%, thì NPV của dự án bằng:

- 60,9

- B. 70,9
- C. 80,9
- D. 90,9

4. Một địa phương có số vốn đầu tư tối đa trong năm là 25 tỷ đồng và đứng trước 4 cơ hội đầu tư dưới đây:

Dự án	Vốn đầu tư yêu cầu	NPV
X	13	4,2
Y	12	4,6
Z	10	3,5
K	13	4,0

Chọn nhóm dự án nào trong các nhóm dự án sau để thực hiện, nếu căn cứ vào NPV:

- A. X và Y
- B. X và Z
- C. K và Z
- D. K và Y

5. Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR- Internal Rate of Return) của dự án là một loại lãi suất mà tại đó làm cho:

- A. $NPV > 0$
- B. $NPV < 0$
- C. $NPV = 0$
- D. $NPV = \text{Lãi suất tính toán}$ ()

6. Ngân lưu ròng của một dự án, như sau:

Năm	0	1
Ngân lưu ròng	-100	122

Vậy IRR của dự án, bằng:

- A. 20%
- B. 22%
- C. 25%
- D. 26%

7. Tùy theo loại dự án mà có thể:

- A. Không có IRR
- B. Có một IRR
- C. Có nhiều IRR
- D. Tất cả các câu đều đúng

8. Ngân lưu ròng của một dự án:

Năm	0	1	2
Ngân lưu ròng	-10	30	-20

Vậy IRR của dự án là:

- A. 0%

- B. 10%
- C. 0% và 100%
- D. 0% và 10%

9. Căn cứ vào Tỷ số lợi ích/ chi phí (B/C: Benefit/Cost) để lựa chọn dự án, khi:

- A. $B/C \geq 1$
- B. $B/C < 1$
- C. $B/C = 0$
- D. $B/C < 0$

10. Lợi ích và Chi phí của dự án như sau:

<i>Năm</i>	<i>0</i>	<i>1</i>
Dòng vào		132
Dòng ra	100	22

Với lãi suất tính toán là 10%, thì tỷ số B/C bằng:

- A. 1,0
- B. 1,2
- C. 1,3
- D. 1.5

11. Thời gian hoàn vốn của dự án có nhược điểm:

- A. Phụ thuộc vào vòng đời dự án
- B. Phụ thuộc vào quy mô vốn đầu tư
- C. Phụ thuộc vào thời điểm đầu tư
- D. Không xét tới khoản thu nhập sau thời điểm hoàn vốn

12. IRR là suất chiết khấu làm cho giá trị hiện tại thuần (NPV):

- A. Bằng 0
- B. Lớn hơn 0
- C. Nhỏ hơn 0
- D. Bằng 1

13. Thời gian hoàn vốn được xác định là:

- A. Thời gian hoàn thành dự án
- B. Tỷ suất chiết khấu của một khoản đầu tư làm cân bằng giữa giá trị hiện tại của tất cả các dòng tiền vào với giá trị hiện tại của tất cả các dòng tiền ra
- C. Số năm mà một công ty cần để thu hồi vốn đầu tư
- D. Số năm mà một công ty cần để tạo ra lợi nhuận bằng với số tiền đầu tư

II. CÂU TRUNG BÌNH

14. Công ty Daso dự định đầu tư xây dựng một nhà máy sản xuất bột giặt với số liệu như sau:
ĐVT: triệu đồng

<i>Năm</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Ngân lưu ròng	-400	200	200	200

Nếu chi phí cơ hội của vốn đầu tư là 10%, NPV của dự án là:

- A. 85,8 triệu đồng
- B. 87,4 triệu đồng
- C. 97,4 triệu đồng
- D. 79,4 triệu đồng

15. Một dự án đầu tư có tổng số vốn đầu tư ban đầu là 10 triệu USD. Lợi nhuận ròng và khấu hao từ năm 1 đến năm 5 cho trong bảng sau:

ĐVT: Triệu USD

Năm	Lợi nhuận ròng và khấu hao
1	0,7
2	2,2
3	2,4
4	2,6
5	2,8

Thời gian hoàn vốn đầu tư không có chiết khấu của dự án là:

- A. 4 năm 7 tháng
- B. 4 năm 9 tháng
- C. 5 năm 1 tháng
- D. 5 năm 6 tháng

16. Một dự án có tổng vốn đầu tư là 150 triệu đồng. Các khoản dự kiến thu từ lợi nhuận ròng và khấu hao như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Lợi nhuận ròng và khấu hao
1	40
2	50
3	40
4	20
5	10

Thời gian hoàn vốn đầu tư không có chiết khấu của dự án là:

- A. 5 năm 4 tháng
- B. 4 năm
- C. 6 năm
- D. 4 năm 3 tháng

17. Công ty liên doanh Cao su Việt – Hưng dự định xây dựng nhà máy sản xuất bao găng tay với số vốn đầu tư là 140 triệu đồng. Lợi nhuận ròng và khấu hao dự kiến được cho như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Lợi nhuận ròng và khấu hao
1	80
2	80
3	80
4	80

Thời gian hoàn vốn đầu tư có chiết khấu (Với suất chiết khấu là 20%/năm) của dự án là:

- A. 1 năm 6 tháng 2 ngày
- B. 2 năm 4 tháng 18 ngày
- C. 3 năm 4 tháng

D. 3 năm 6 tháng

18. Xí nghiệp liên doanh Việt- Ý dự định đầu tư xây dựng một nhà máy sản xuất giày với ngân lưu ròng (triệu USD) của dự án như sau:

Năm	0	1	2	3
Ngân lưu ròng	-70	30	30	30

Với suất chiết khấu của dự án là 10%, hiện giá thuần (NPV) của dự án là:

- A. 4,6 triệu USD
- B. 6,4 triệu USD
- C. 5,6 triệu USD
- D. 6,5 triệu USD

19. Doanh nghiệp Thăng Lợi đang xem xét một dự án sản xuất kem đánh răng với giá trị đầu tư ban đầu là 200 triệu đồng. Ngân lưu ròng của dự án như sau:

Năm	0	1
Ngân lưu ròng	-200	240

Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) của dự án là:

- A. 21%
- B. 22%
- C. 30%
- D. 20%

20. Giả sử dòng ngân lưu ròng của một dự án sau:

Năm	0	1	2	3
Ngân lưu ròng	100	100	100	100

Thế thì, dự án này:

- A. Không tính được IRR
- B. Có một IRR
- C. Có hai IRR
- D. Có ba IRR

21. Có thể tính IRR bằng :

- A. Phương pháp nội suy
- B. Cho $NPV=0$ để xác định lãi suất tính toán
- C. Đồ thị
- D. Tất cả các câu đều đúng

22. Chọn lãi suất tính toán càng cao, thì NPV của dự án :

- A. Càng lớn
- B. Càng nhỏ
- C. Không bị ảnh hưởng
- D. Chưa kết luận được

23. Giữa NPV và IRR có mối quan hệ sau đây :

- A. NPV càng lớn thì IRR cũng càng lớn
- B. NPV càng lớn thì IRR càng nhỏ

- C. NPV càng nhỏ thì NPV càng nhỏ
- D. Các quan hệ này chưa chắc chắn

24. NPV của dự án :

- A. Chưa cho biết tỷ lệ lãi, lỗ trên vốn đầu tư là bao nhiêu
- B. Phụ thuộc vào suất chiết khấu tính toán
- C. Cho biết quy mô số tiền lãi của dự án có thể thu được
- D. Tất cả các câu này đều đúng

25. NPV bằng 0, khi :

- A. Lãi suất tính toán bằng 0
- B. Lãi suất tính toán bằng 1
- C. Lãi suất tính toán bằng IRR
- D. Lãi suất tính toán lớn hơn IRR

26. NPV bằng 0 thì :

- A. B/C bằng 0
- B. B/C bằng 1
- C. B/C lớn hơn 1
- D. B/C nhỏ hơn 1

27. NPV=0, tức quy mô tiền lãi của dự án =0. Thì dự án này là :

- A. Tốt
- B. Xấu
- C. Bình thường
- D. Không kết luận được

28. Nếu chủ đầu tư có vốn dồi dào, đầu tư ít rủi ro và ít cơ hội đầu tư thì nên chọn dự án, có:

- A. IRR lớn nhất
- B. NPV lớn nhất
- C. NPV nhỏ nhất
- D. IRR nhỏ nhất

29. Có một dự án khai thác mỏ, đầu năm 1 chi ra 1200, cuối năm thu về 3000. Năm 2 và năm 3 sau đó phải chi tiền để san lấp, trả lại mặt bằng cũ cho Nhà nước. Với suất chiết khấu tính toán 10%. IRR của dự án là:

- A. 10%
- B. 15%
- C. 17%
- D. Không xác định được

30. Giá trị mà một dự án mang lại cho công ty được thể hiện qua

- A. Lợi ích dự án
- B. Giá trị hiện tại ròng
- C. Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ
- D. Không có chỉ số nào kể trên

III. CÂU KHÓ

31. Khi NPV của dự án bằng 0, thì đây:

- A. Là dự án xấu
- B. Là dự án rất xấu
- C. Là dự án phải loại bỏ
- D. Vẫn là dự án tốt

32. Có ngân lưu ròng của hai dự án như sau:

<i>Năm</i>	<i>0</i>	<i>1</i>
Dự án A	-6000	9000
Dự án B	-10.000	14.000

Với lãi suất tính toán của dự án là 20%, thì:

- A. Tỷ số B/C của A lớn hơn B
- B. Tỷ số B/C của B lớn hơn A
- C. Bằng nhau
- D. Chưa đủ thông để khẳng định.

33. Có ngân lưu ròng của hai dự án như sau:

<i>Năm</i>	<i>0</i>	<i>1</i>
Dự án A	-6000	9000
Dự án B	-10.000	14.000

Với lãi suất tính toán của dự án là 10%, thì:

- A. Tỷ số B/C của A lớn hơn của B
- B. NPV của A nhỏ hơn của B
- C. IRR của B nhỏ hơn của A
- D. Tất cả các câu này đều đúng.

34. Ngân lưu ròng của một dự án :

<i>Năm</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Ngân lưu ròng	-1200	5000	-1400	-1000

Nếu cho một loại lãi suất tùy ý, thì :

- A. Tính được IRR
- B. Tính được NPV
- C. Không tính được NPV
- D. Tất cả các câu này đều đúng

35. Ngân lưu ròng của hai dự án A và B cho trong bảng sau:

<i>Năm</i>	<i>0</i>	<i>1</i>
Dự án A	-100	122
Dự án B	-1000	1200

Với suất chiết khấu tính toán là 10%, hiện giá thuần (NPV):

- A. Của dự án A là 10,9 và dự án B là 70,9
- B. Của dự án A là 70,9 và dự án B là 10,9
- C. Của dự án A là 90,9 và dự án B là 10,9
- D. Của dự án A là 10,9 và dự án B là 90,9

36. Công ty cổ phần sữa Vinamilk dự định đầu tư vào 1 trong 2 nhà máy. Đó là nhà máy sản xuất cà phê hòa tan và nhà máy nước uống tinh khiết với số vốn đầu tư ban đầu mỗi nhà máy là 200 triệu đồng, từ các nguồn vốn khác nhau. Ngân lưu ròng của 2 nhà máy cho trong bảng sau:

<i>Năm</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1. Dự án cà phê hòa tan	-200	50	100	100
2. Dự án nước uống tinh khiết	-200	50	120	120

Với lãi suất tính toán của dự án (1) là 10%/ năm và dự án (2) là 20%/năm. Nếu dùng chỉ tiêu hiện giá thuần (NPV) để chọn dự án, Công ty Vinamilk nên:

- A. Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cà phê hòa tan
- B. Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nước uống tinh khiết
- C. Nên đầu tư xây dựng cả hai nhà máy
- D. Không nên đầu tư xây dựng nhà máy nào cả

37. Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa (Bibica) dự định đầu tư vào 2 dự án sản xuất bánh ngọt và kẹo trái cây. Cả 2 nhà máy đều có số vốn đầu tư ban đầu là 600 triệu đồng. Ngân lưu ròng của hai dự án như sau:

<i>Năm</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1. Dự án bánh ngọt	-600	100	300	300	100
2. Dự án kẹo trái cây	-600	100	100	300	300

Với suất chiết khấu là 10% và dùng chỉ tiêu hiện giá thuần (NPV) để thẩm định dự án, theo bạn công ty Bibica nên đầu tư:

- A. Nhà máy bánh ngọt
- B. Nhà máy kẹo trái cây
- C. Cả 2 nhà máy
- D. Không nên đầu tư vào nhà máy nào cả

38. Khi $IRR >$ lãi suất tính toán, thì suất sinh lời của vốn đầu tư dự án:

- A. Bằng lãi suất tính toán
- B. Lớn hơn lãi suất tính toán
- C. Nhỏ hơn lãi suất tính toán
- D. Bằng 0

39. Dòng ngân lưu ròng của một báo cáo ngân lưu dự án không đổi dấu, thì:

- A. Không tính được NPV
- B. Vẫn tính được NPV
- C. Vẫn tính được IRR
- D. Không tính được tỷ số B/C

40. Ngân lưu ròng của hai dự án loại trừ nhau như sau:

Lãi suất tính toán là 8%

<i>Năm</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
Dự án A	-1000	1120				
Dự án B	-1000	0	0	0	0	1607

Ta:

- A. Chọn dự án A nếu căn cứ vào NPV
- B. Chọn dự án B nếu căn cứ vào IRR
- C. Loại dự án A nếu căn cứ vào IRR
- D. Chọn dự án B nếu căn cứ vào NPV

41. Khi NPV của dự án bằng 0, thì:

- A. Dự án không mang lại cho đồng vốn một suất sinh lời nào cả
- B. Dự án mang lại một suất sinh lời i bằng IRR
- C. Dự án mang lại một suất sinh lời i nhỏ hơn IRR
- D. Dự án mang lại một suất sinh lời i lớn hơn IRR

42. Dự án nào trong các dự án sau sẽ được chọn?

- A. Dự án A: tỷ lệ hoàn vốn nội bộ là 11%, chi phí cơ hội 0 đồng
- B. Dự án B: tỷ lệ hoàn vốn nội bộ là -3%, chi phí cơ hội là 300 triệu đồng
- C. Dự án C: tỷ lệ chi phí lợi ích là 0,6, thời gian hoàn vốn 6 tháng
- D. Dự án D: tỷ lệ hoàn vốn nội bộ là 0%, chi phí cơ hội là 150 triệu đồng

43. Tỷ lệ làm cân bằng giữa giá trị hiện tại của dòng tiền vào với giá trị hiện tại của dòng tiền ra, còn được gọi là:

- A. Tỷ lệ chiết khấu
- B. Tỷ lệ chi phí lợi ích
- C. Tỷ suất hoàn vốn nội bộ
- D. Giá trị hiện tại ròng

44. Có hai dự án:

Số tiền đầu tư vào dự án A là 2.000.000.000 đồng và NPV của nó là 2.000.000 đồng

Số tiền đầu tư vào dự án B là 1.500.000.000, dòng tiền vào ròng là 21.000.000 và dòng tiền ra ròng là 19.000.000.

Nên chọn dự án nào nếu sử dụng tiêu chí giá trị hiện tại ròng (NPV) để lựa chọn?

- A. Dự án A
- B. Dự án B
- C. Thông tin đưa ra là chưa đủ để kết luận
- D. Dự án A hoặc dự án B

CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ NGUỒN LỰC DỰ ÁN

I. CÂU ĐỀ

1. Vì sao cần phải có sự hiểu biết về các chủ thể liên quan tới dự án trong QLDA?

- A. Họ có thể làm việc ở một bộ phận hoặc công ty khác.
- B. Họ có thể có hiểu biết chuyên môn khác nhau.
- C. Họ có thể không quan tâm đến dự án.
- D. Họ có thể có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến dự án.

2. Câu nào sau đây mô tả đúng nhất về chủ thể liên quan tới dự án?
- A. Chủ thể có quan tâm đến dự án sắp tới.
 - B. Chủ thể có quyền lợi hoặc vai trò trong dự án hoặc chịu ảnh hưởng bởi dự án.
 - C. Chủ thể nhận được lợi ích nhất định khi dự án kết thúc.
 - D. Chủ thể có đóng góp về tài chính trong bộ máy quản lý dự án.
3. Dựa trên 5 giai đoạn phát triển đội nhóm của Bruce Tuckman, các thành viên trong đội dự án tranh giành vị trí, cố gắng khẳng định mình ở giai đoạn nào?
- A. Hình thành
 - B. Đấu tranh
 - C. Hoàn thiện
 - D. Phát triển
4. Một phương pháp quản lý xung đột nhấn mạnh vào khía cạnh đồng thuận thay vì các khía cạnh khác biệt thì được gọi là:
- A. Ép buộc
 - B. Hoà giải
 - C. Đối đầu
 - D. Rút lui
5. Một thành viên trong nhóm dự án đã xung phong đứng lên thuyết trình trong cuộc họp với các bên liên quan để cập nhật về tiến độ dự án hàng tuần. Sau khi kết thúc cuộc họp đầu tiên, các bên đã phản ánh lại với em rằng phần thuyết trình của thành viên đó không gây ấn tượng. Với vai trò là người quản lý dự án, em sẽ chọn cách nào dưới đây để giải quyết vấn đề liên quan tới thành viên đó?
- A. Trao đổi một cách thẳng thắn, tế nhị với thành viên đó
 - B. Soạn ra một văn bản đề làm việc chính thức
 - C. Trao đổi một cách trịnh thượng và áp đặt
 - D. Soạn ra một email và gửi cho thành viên đó

II. CÂU TRUNG BÌNH

6. Giả sử em đang quản lý một dự án. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện dự án có phát sinh một thay đổi đột xuất khiến dự án gặp phải một số vấn đề. Hai thành viên chủ chốt trong nhóm là Nga và Lâm đều đưa ra ý kiến riêng trong việc xử lý các vấn đề này. Chính vì ai cũng cho là mình đúng và tranh luận bảo vệ ý kiến của mình tới cùng nên mâu thuẫn giữa 2 người đang làm chậm tiến độ dự án. Vậy em sẽ làm gì để quản lý xung đột này?
- A. Giải quyết xung đột sớm nhất có thể và họp riêng với cả Nga và Lâm.
 - B. Buộc Lâm phải nhượng bộ và hỗ trợ Nga.
 - C. Khuyến Nga nên nhượng bộ Lâm.
 - D. Hiện tại chưa cần giải quyết xung đột này ngay mà chờ cho đến khi mâu thuẫn gay gắt hơn.
7. Người quản lý dự án thường sử dụng phương pháp quản lý xung đột nào nhất?
- A. Hoà giải
 - B. Hoàn thiện

- C. Cộng tác
- D. Ép buộc

8. Trong dự án mới mà em đang quản lý, em nhận thấy rằng đa số các thành viên trong nhóm đều cho rằng “chỉ có tôi là đúng” và ai cũng muốn bảo vệ quan điểm của mình. Trong trường hợp này, nhóm của em đang ở giai đoạn nào sau đây?

- A. Đấu tranh
- B. Hoàn thiện
- C. Mâu thuẫn
- D. Phát triển

9. Sau khi đánh giá các mặt tích cực và tiêu cực của tất cả các phương án khác nhau thì Người quản lý dự án đã tìm thấy một giải pháp phần nào thỏa mãn tất cả các bên. Vậy đó là phương pháp quản lý xung đột nào dưới đây?

- A. Hoà giải
- B. Rút lui
- C. Đối đầu
- D. Thỏa hiệp

10. Dự án đang bị chậm tiến độ vì các trưởng phòng đã phân công lại các thành viên trong nhóm dự án để thực hiện các công việc khác. Sau khi họp với các trưởng phòng, em đi đến một giải pháp trước mắt là ưu tiên giữ lại một nhóm nguồn lực chính của dự án để kịp thời xử lý các công việc của dự án cho đến khi có thêm những nguồn lực khác được duyệt.

Phương pháp quản lý xung đột nào sau đây em sẽ ưu tiên áp dụng trong tình huống này?

- A. Thỏa hiệp/ hòa giải
- B. Ép buộc/ chỉ đạo
- C. Cộng tác/ giải quyết vấn đề
- D. Hoà giải/ dàn xếp

III. CÂU KHÓ

11. Được giao nhiệm vụ quản lý dự án, em thấy trong quá trình thực hiện dự án vừa phát sinh xung đột giữa một số cá nhân trong nhóm dự án. Em sẽ quản lý xung đột này như thế nào?

- A. Xung đột gây bất lợi đến năng suất làm việc của nhóm. Em phải dập tắt xung đột ngay lập tức.
- B. Cần sắp xếp một cuộc họp công khai để cả nhóm dự án cùng tham gia xử lý xung đột.
- C. Cần xử lý xung đột sớm nhất và sẽ họp riêng những cá nhân đó, trên cơ sở hợp tác và thẳng thắn.
- D. Em sẽ dùng uy quyền của mình để nhanh chóng giải quyết xung đột và sau đó tập trung vào việc đạt được mục tiêu dự án.

12. Câu nào dưới đây tóm tắt đúng nhất quá trình giao tiếp trong dự án?

- A. Giao tiếp là xác định xem ai cần thông tin gì, khi nào thì cần và người nào phù hợp nhất nhận thông tin dự án.
- B. Giao tiếp là xác định xem ai cần thông tin gì, khi nào thì cần và nguồn lực phù hợp nhất để truyền tải thông tin dự án.
- C. Giao tiếp là xác định xem ai cần thông tin gì, khi nào thì cần và địa điểm nào phù hợp nhất để truyền thông về dự án.

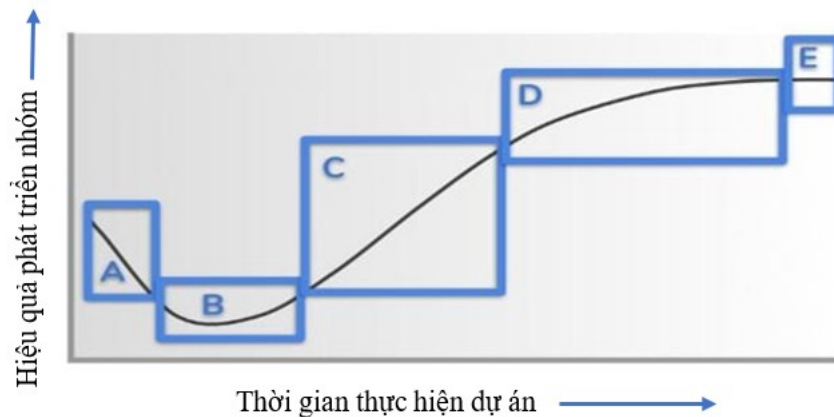
D. Giao tiếp là xác định xem ai cần thông tin gì, khi nào thì cần và lựa chọn phương thức nào phù hợp nhất để thông báo thông tin dự án.

13. Lúc đầu nhóm dự án của em cảm thấy lo lắng vì các thành viên sẽ không thể đoàn kết trong một đội nhóm làm việc từ xa. Tuy nhiên, khi triển khai được một nửa dự án thì các thành viên trong nhóm đã làm việc rất hợp tác và đạt hiệu quả tối ưu. Vậy nhóm đang ở giai đoạn nào?

- A. Hình thành
- B. Phát triển
- C. Hoà giải
- D. Hoàn thiện

14. Giả sử em được yêu cầu thay thế vị trí của một người quản lý dự án vừa đột xuất đổ bệnh trong khi dự án đang triển khai giữa chừng. Sau khi làm quen với nhóm dự án, em thấy rất ấn tượng vì các thành viên trong nhóm rất đoàn kết và cùng xử lý các công việc của dự án một cách trơn tru và hiệu quả.

Vậy theo em, nhóm dự án đang ở giai đoạn trên 5 giai đoạn phát triển đội nhóm của Bruce Tuckman?



- A. Giai đoạn A
- B. Giai đoạn B
- C. Giai đoạn C
- D. Giai đoạn D

CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ VÀ THỜI GIAN CỦA DỰ ÁN

I. CÂU ĐỀ

1. Rút ngắn thời gian hoàn thành dự án được thực hiện, trên:

- A. Một tiến trình bất kỳ
- B. Đường găng
- C. Một công việc mà có thời gian thực hiện dài nhất
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

2. GANTT là:

- A. Tên của một nhà bác học
- B. Một phương pháp sơ đồ

- C. Một công cụ quản lý thời gian
- D. Tất cả đều đúng

3. Công cụ nào dưới đây mô tả một cách trực quan nhất các công việc dự án đã được xác định theo từng tiến độ cụ thể được gọi là gì?

- A. Sơ đồ Gantt.
- B. Mạng công việc.
- C. Sơ đồ luồng sản phẩm.
- D. Sơ đồ logic xoáy.

4. Nhìn vào sơ đồ GANTT:

- A. Cho biết ngay tổng thời gian thực hiện dự án
- B. Không cho biết ngay tổng thời gian thực hiện dự án
- C. Độ phức tạp của dự án
- D. Khó nhận biết các công việc, thời gian thực hiện và mối quan hệ giữa chúng

5. Nhìn vào sơ đồ GANTT:

- A. Cho thấy cách rút ngắn tổng tiến độ
- B. Không cho thấy cách rút ngắn tổng tiến độ
- C. Không cho biết tổng thời gian thực hiện dự án
- D. Tất cả đều đúng

6. Nhìn vào sơ đồ GANTT sẽ nhận biết:

- A. Đường găng của dự án
- B. Cho thấy cách rút ngắn tổng tiến độ
- C. Các công việc nằm trên tiến trình tới hạn
- D. Tất cả đều sai

7. Lịch trình thực hiện dự án, có thể được lập bằng:

- A. Sơ đồ GANTT và Sơ đồ mạng (PERT)
- B. Sơ đồ logic xoáy
- C. Lịch thời vụ
- D. Lịch hoạt động

8. Kỹ thuật trình bày kế hoạch tiến độ, mô tả dưới dạng sơ đồ mối quan hệ liên tục giữa các công việc được gọi là

- A. Cột mốc quan trọng
- B. Mục tiêu
- C. Sơ đồ Gantt
- D. Sơ đồ PERT

9. Sơ đồ sử dụng các trục ngang để thể hiện các công việc của dự án theo thời gian thực hiện được gọi là

- A. Cột mốc quan trọng
- B. Mục tiêu
- C. Sơ đồ Gantt
- D. Sơ đồ PERT

10. Điều nào sau đây được ghi nhận trong Cấu trúc phân chia công việc (WBS)?

- A. Các giai đoạn trong vòng đời dự án.
- B. Thứ tự của các nhiệm vụ.
- C. Phạm vi của dự án.
- D. Chi phí dự án.

11. Việc nào sau đây thuộc yêu cầu trong Ước lượng nguồn lực của dự án:

- A. Dự toán trang thiết bị, vật tư cũng như chi phí cần để thực hiện từng hoạt động dự án.
- B. Xác định loại và số lượng nguyên vật liệu cần thiết.
- C. Xác định số lượng người cần để thực hiện các hoạt động dự án.
- D. Tất cả các công việc kể trên.

12. Mô tả nào về cấu trúc phân chia công việc (WBS) sau đây là đúng nhất?

- A. Bảng mô tả một số công việc dự án dựa trên các phân công công việc.
- B. WBS tương tự như sơ đồ tổ chức nhân sự.
- C. WBS là công cụ chia nhỏ các công việc dự án để tạo thuận lợi trong quá trình quản lý.
- D. WBS là công cụ quản lý các hóa đơn nguyên vật liệu cần thiết để thực hiện các hoạt động dự án.

13. Cấu trúc phân chia công việc (WBS) là một _____ toàn bộ công việc dự án theo cấu trúc, phân công công việc cụ thể theo từng cấp quản lý, nêu rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng nhóm công tác, có đánh giá thời gian và chi phí hoàn thành công việc đề ra.

- A. bảng mô tả
- B. bước thay đổi
- C. kế hoạch triển khai
- D. sơ đồ logic mô tả

14. Đây là kết quả của quy trình quản lý tiến độ dự án?

- A. Bản kế hoạch quản lý dự án.
- B. Bản kế hoạch dự phòng.
- C. Bản kế hoạch quản lý rủi ro.
- D. Bản danh mục các công việc.

II. CÂU TRUNG BÌNH

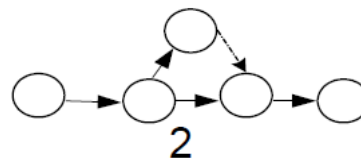
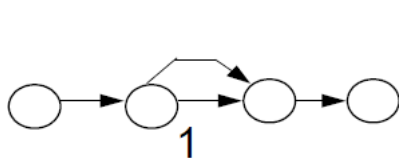
15. Sự kiện trong sơ đồ PERT mà không có công việc đi vào được gọi là:

- A. Sự kiện xuất phát
- B. Sự kiện cuối của công việc
- C. Sự kiện đầu của công việc
- D. Sự kiện hoàn thành của công việc

16. Sự kiện trong sơ đồ PERT mà không có công việc đi ra được gọi là:

- A. Sự kiện xuất phát
- B. Sự kiện cuối của công việc
- C. Sự kiện đầu của công việc
- D. Sự kiện hoàn thành của công việc

17. Cho hai sơ đồ với các mũi tên chỉ công việc của dự án, vậy thì:



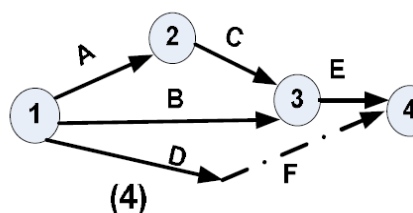
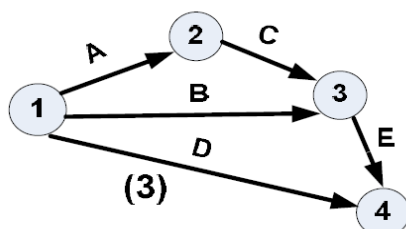
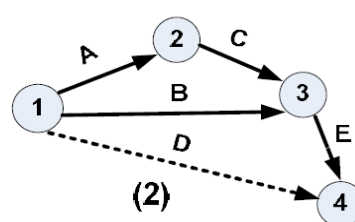
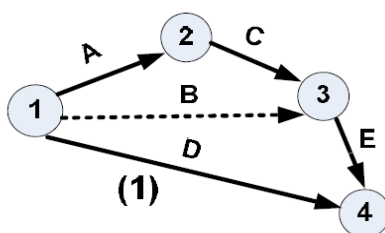
- A. Sơ đồ 1 vẽ đúng
- B. Sơ đồ 2 vẽ sai
- C. Sơ đồ 2 vẽ đúng
- D. Cả hai sơ đồ vẽ đều sai

18. Tìm câu sai trong các câu sau:

- A. Trong sơ đồ PERT chiều dài của mũi tên không cần phải tỷ lệ với độ lớn thời gian của công việc dự án.
- B. Trong sơ đồ PERT có công việc thật và có thể có công việc ảo
- C. Đường có thời gian dài nhất trong sơ đồ PERT được gọi là đường găng
- D. Trong mỗi sơ đồ PERT chỉ có một đường găng duy nhất.

19. Hãy chọn sơ đồ PERT đúng cho dự án có nội dung như sau:

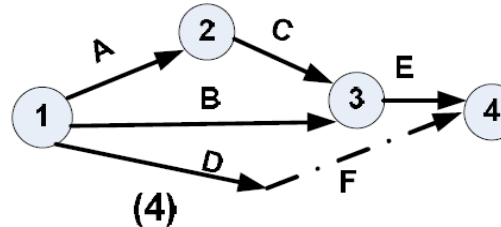
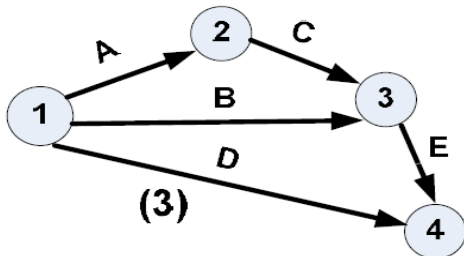
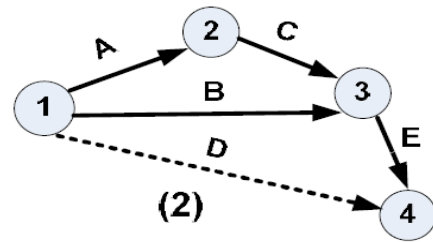
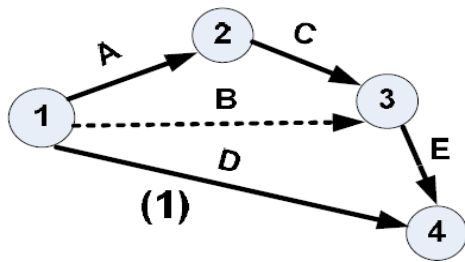
“Công việc A, tiến hành ngay từ đầu. Công việc B, bắt đầu ngay. Công việc C, sau A. Công việc D, bắt đầu ngay. Công việc E, sau B và C.



- A. Sơ đồ 1 đúng
- B. Sơ đồ 2 đúng
- C. Sơ đồ 3 đúng
- D. Sơ đồ 4 đúng

20. Hãy chọn khẳng định sai dưới đây đối với với sơ đồ PERT của dự án như sau:

“Công việc A, tiến hành ngay từ đầu. Công việc B, bắt đầu ngay. Công việc C, sau A. Công việc D, bắt đầu ngay. Công việc E, sau B và C.



- A. Sơ đồ 1 và 2 đều sai
- B. Sơ đồ 2 và 3 đều sai
- C. Sơ đồ 1 và 4 đều sai
- D. Sơ đồ 2 và 4 đều sai

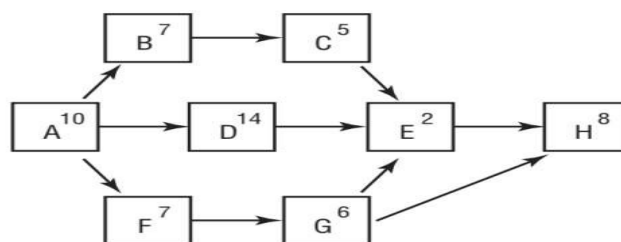
21. Sơ đồ PERT trong quản lý dự án là viết tắt của Program Evaluation and _____ Technique.

- A. Resource
- B. Reconciliation
- C. Reconsideration
- D. Review

22. _____ chính là độ dài của đường găng, về mặt toán học đường găng là một đường được định nghĩa là một đường hoàn toàn dài nhất nối điểm đầu và điểm cuối của sơ đồ PERT._

- A. Tổng thời gian hoàn thành dự án
- B. Các hoạt động có độ rủi ro cao
- C. Tổng số nguồn lực của dự án
- D. Tổng số sự kiện diễn ra trong dự án

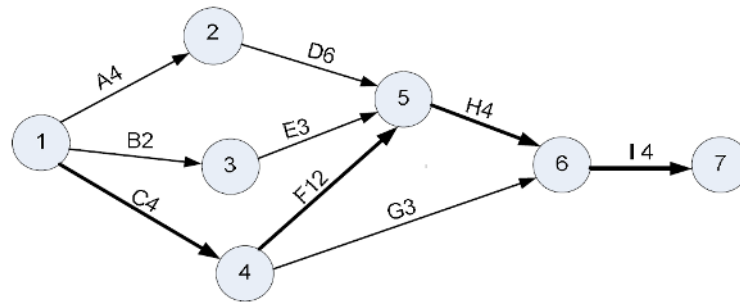
23. Em là người quản lý dự án cho Picture Shades, Inc. – một công ty chuyên cung cấp các loại rèm cửa mô phỏng các bức tranh cổ thời Phục hưng cho nhiều chuỗi nhà hàng khách sạn. Picture Shades đang giới thiệu sản phẩm của mình ra thị trường nội địa và em quản lý dự án này. Trong đó, công ty sẽ chào bán sản phẩm qua các cửa hàng bán lẻ cũng như trên website công ty. Thời gian thực hiện dự án đang tính toán. Nhìn vào sơ đồ sau, hãy cho biết đâu là đường găng của dự án?



- A. A-B-C-E-H
- B. A-D-E-H
- C. A-F-G-H

D. A-F-G-E-H

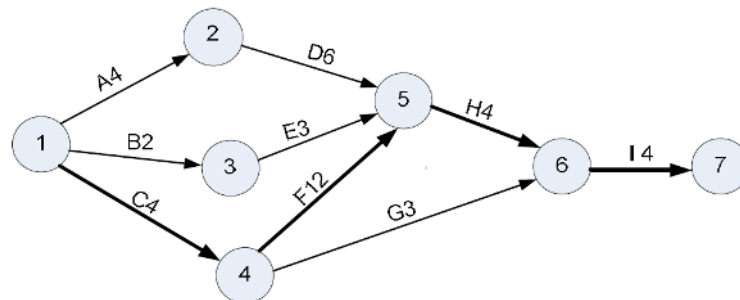
Dự án có sơ đồ PERT như sau:



24. Vậy thì đường găng của dự án là:

- A. A-D-H-I
- B. B-E-H-I
- C. C-F-H-I
- D. C-G-I

Dự án có sơ đồ PERT như sau:



25. Vậy tổng thời gian (tính theo tháng) thực hiện dự án này là:

- A. 24 tháng
- B. 18 tháng
- C. 13 tháng
- D. 11 tháng

26. An vừa đảm nhận trách nhiệm Giám đốc dự án cho một dự án. An cũng mới nhận được một trong những tài liệu dự án trong đó liệt kê tất cả các rủi ro của dự án theo từng cấp độ. Tài liệu này được gọi là gì?

- A. Kế hoạch quản lý rủi ro.
- B. Danh sách liệt kê từng rủi ro.
- C. Sơ đồ Monte Carlo.
- D. Bảng phân mục các rủi ro.

27. Phong phụ trách một dự án mới nhằm thay thế hệ thống quản lý nhân sự cũ của Công ty A với một hệ thống mới tiên tiến, đa nền tảng được trang bị bởi các công nghệ di động mới nhất. Sau khi xem xét các tài liệu hệ thống hiện có, nhóm dự án của Phong thấy rằng các tài liệu này quá dài dòng và phức tạp, không thể sử dụng cho việc nâng cấp hệ thống. Phong yêu cầu nhóm dự án chia nhỏ các công việc chính của dự án thành các bộ phận nhỏ hơn để dễ quản lý. Trong quá trình thực hiện dự án, Phong đã yêu cầu nhóm làm gì?

- A. Lập các yêu cầu về tài liệu

- B. Tạo Cấu trúc phân chia công việc – WBS
- C. Xác định phạm vi dự án
- D. Xác định các mốc quan trọng của dự án – milestones

28. Người quản lý dự án cần làm gì để đảm bảo rằng tất cả các công việc trong dự án đều được thực hiện?

- A. Lập kế hoạch dự phòng.
- B. Lập kế hoạch quản lý rủi ro.
- C. Lập Cấu trúc phân chia công việc.
- D. Xác định phạm vi thực hiện công việc.

29. Quản lý tốt tiến độ dự án sẽ giúp phát hiện các thay đổi và điều chỉnh lịch trình thực hiện dự án một cách hiệu quả nhất, đồng thời ngăn ngừa các vấn đề không mong muốn nào sau đây:

- I. Ngăn ngừa sự chậm trễ của từng hạng mục công việc, dẫn tới sự chậm trễ của toàn dự án.
- II. Giúp tránh chi vượt dự toán do đã kiểm soát tốt các nguồn lực của dự án.
- III. Hỗ trợ công tác quản lý nhân sự, đạt được sự chặt chẽ trong chỉ đạo công việc.

- A. Chỉ I
- B. Chỉ II
- C. Chỉ I và II
- D. I, II và III

30. Việc nào dưới đây là một trong những công việc của người quản lý khi phải theo dõi và giám sát trạng thái tiến trình thực hiện các nhiệm vụ?

- A. Lập Bản kế hoạch quản lý dự án và các giả định
- B. So sánh giữa tiến độ thực tế và Bản kế hoạch tiến độ để phát hiện sai lệch
- C. Xác định đường găng của dự án (critical path).
- D. Xác định và chỉ rõ mối liên hệ giữa các hoạt động của dự án.

III. CÂU KHÓ

31. Dự án lắp ghép một khu nhà công nghiệp, có các công việc:

- (A) Làm móng nhà, thời gian thực hiện dự tính 5 tuần, bắt đầu ngay.
- (B) Vận chuyển cần cầu về, 1 tuần, bắt đầu ngay.
- (C) Lắp dựng cần trục, 3 tuần, sau vận chuyển cần cầu.
- (D) Vận chuyển cầu kiện, 4 tuần, bắt đầu ngay.
- (E) Lắp ghép khung nhà và lợp mái, 7 tuần, sau lắp cần cầu”

Căn cứ vào quy trình công nghệ, người ta đã vẽ sơ đồ GANTT như sau:

TT	Tên công việc	Thời gian (tuần lễ)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	Làm móng nhà	←				→							
B	Vận chuyển cần cẩu	←	→										
C	Lắp dựng cần cẩu		←			→							
D	Vận chuyển cầu kiện	←				→							
E	Lắp ghép khung nhà					←							→

Tìm câu đúng trong các câu sau:

- A. Công việc C vẽ sai
- B. Công việc D vẽ sai
- C. Công việc E vẽ sai
- D. Tất cả các công việc trên vẽ đều đúng

32. Cho sơ đồ GANTT của một dự án làm đường giao thông

Công việc	Thời gian (tháng)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.Chuẩn bị										
2.Hệ thống thoát nước										
3.Móng đường										
4.Nền đường										
5.Mặt đường										

Vậy thì thời gian thực hiện dự án là :

- A. 10 tuần
- B. 10 tháng
- C. Hơn 10 tuần
- D. Ít hơn 10 tháng

33. Câu nào dưới đây mô tả đúng nhất mục đích của sơ đồ Gantt?

- A. Xác định một tiến độ hợp lý nhất để thực hiện các hoạt động khác nhau của dự án tùy thuộc vào độ dài công việc, các điều kiện ràng buộc và kỳ hạn phải tuân thủ.
- B. Trình bày kế hoạch tiến độ, mô tả dưới dạng sơ đồ mối quan hệ liên tục giữa các công việc đã được xác định cả về thời gian và thứ tự trước sau.
- C. Ước tính chi phí và lịch trình cho từng gói công việc, sau đó tổng hợp lại để tính tổng số cho dự án.
- D. Hoàn thành việc lập kế hoạch quản lý rủi ro để đưa ra một bản kế hoạch quản lý rủi ro.

34. Trong khi đang triển khai dự án thì nhóm dự án của em liên tục tranh luận về danh sách đầu mối quan trọng của dự án và những rủi ro cụ thể liên quan đến các mốc này. Điều này dẫn đến xung đột trong nhóm dự án làm cho dự án có nguy cơ bị chậm tiến độ.

Xung đột này đã có thể tránh được nếu mục nào dưới đây được làm đúng ngay từ đầu?

- A. Bản điều lệ dự án
- B. Phân công nguồn lực

- C. Các chỉ số đánh giá chất lượng
D. Cấu trúc phân chia công việc (WBS)

35. Một dự án có các thông số như bảng dưới.

Công việc	Thời gian thực hiện (tháng)	Công việc trước
A	2	-
B	4	A, E
C	6	A
D	3	B, C
E	7	-
F	2	E
Kết thúc	-	D, F

Hãy tính thời gian hoàn thành dự án (độ dài đường găng).

- A. 14
B. 11
C. 13
D. 9

36. Dự án lắp ghép một khu nhà công nghiệp, có các công việc:

- (A) Làm móng nhà, thời gian thực hiện dự tính 4 tuần, bắt đầu ngay.
(B) Vận chuyển cần cẩu về, 1 tuần, bắt đầu ngay.
(C) Lắp dựng cần trục, 3 tuần, sau vận chuyển cần cẩu.
(D) Vận chuyển cầu kiện, 4 tuần, bắt đầu ngay.
(E) Lắp ghép khung nhà, 7 tuần, sau lắp cần cẩu”

Vậy thời gian thực hiện dự tính của dự án này là:

- A. 11 tuần
B. 12 tuần
C. 13 tuần
D. 14 tuần

37. Cho bảng phân tích công việc của một dự án

Tên công việc	Ký hiệu	Độ dài thời gian (tháng)	Thời gian bắt đầu
1. San lấp mặt bằng	A	1	Ngay từ đầu
2. Hoàn thành hợp đồng cung ứng MMTB	B	1	Ngay từ đầu
3. Xây dựng nhà xưởng	C	6	Sau công việc A
4. Vận chuyển máy móc, thiết bị	D	6	Sau công việc B
5. Lắp đặt máy móc, thiết bị	E	4	Sau công việc C, D
6. Mắc điện, nước	F	2	Sau công việc C
7. Chạy thử máy và nghiệm thu	G	1	Sau công việc E, F

Vậy thời gian thực hiện dự tính của dự án này là:

- A. 11 tuần
B. 12 tuần
C. 13 tuần
D. 14 tuần

CHƯƠNG 6. QUẢN LÝ CHI PHÍ DỰ ÁN

I. CÂU ĐỀ

1. Tiền lương trả cho nhân viên bán hàng theo thời gian làm việc, là:
A. Chi phí cố định
B. Chi phí biến đổi
C. Chi phí hỗn hợp
D. Chi phí chìm
2. Môi quan hệ thường xảy ra nhất giữa chi phí với tiến độ thực hiện dự án, là:
A. Vượt chi ngân sách đã dự trù, tiến độ nhanh
B. Vượt chi ngân sách đã dự trù, chậm tiến độ
C. Chi dưới ngân sách đã dự trù, chậm tiến độ
D. Chi dưới ngân sách đã dự trù, vượt tiến độ
3. Môi quan hệ ít xảy ra nhất giữa chi phí với tiến độ thực hiện dự án, là:
A. Vượt chi ngân sách đã dự trù, tiến độ nhanh
B. Vượt chi ngân sách đã dự trù, chậm tiến độ
C. Chi dưới ngân sách đã dự trù, vượt tiến độ
D. Chi dưới ngân sách đã dự trù, chậm tiến độ
4. Môi quan hệ thông thường giữa chi phí với tiến độ thực hiện dự án, là:
A. Vượt chi ngân sách đã dự trù, tiến độ nhanh
B. Vượt chi ngân sách đã dự trù, chậm tiến độ
C. Chi dưới ngân sách đã dự trù, vượt tiến độ
D. Tất cả các câu đều đúng

II. CÂU TRUNG BÌNH

5. Khấu hao tài sản cố định trong dự án đầu tư là khoản chi phí mà doanh nghiệp:
A. Phải chi bằng tiền mặt
B. Không phải chi bằng tiền mặt
C. Có khi phải chi bằng tiền mặt có khi không phải chi bằng tiền mặt
D. Dùng để thanh lý tài sản cố định
6. Giả sử em đang phụ trách một dự án có quy mô đa quốc gia và sẽ cần ít nhất bảy năm để hoàn thành. Hiện nhóm đang trong quy trình tính toán các nguồn lực tài chính cần thiết để thực hiện dự án kịp tiến độ. Những dự án mà em đã thực hiện trước đó chỉ ở trong nước với thời gian hoàn thành ít hơn nhiều.
Để quy trình này diễn ra 1 cách suôn sẻ thì em sẽ phải làm gì khác so với những dự án trước đây em đã làm?
A. Phát triển ma trận đánh giá sự tham gia của các chủ thể liên quan tới dự án
B. Lập một kế hoạch quản lý rủi ro triệt để hơn trước đây

- C. Đánh giá thêm các yếu tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp
- D. Bổ sung thêm các tài sản hữu hình của tổ chức vào quy trình này

CHƯƠNG 7. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA DỰ ÁN

I. CÂU ĐỀ

1. Quyết định chuyển giao rủi ro được đưa ra trong quá trình quản lý rủi ro nào?
 - A. Xác định rủi ro
 - B. Phân tích rủi ro định lượng
 - C. Lập kế hoạch ứng phó với rủi ro
 - D. Theo dõi và kiểm soát rủi ro
2. Rủi ro phải được xem xét trong giai đoạn ____ và so sánh dựa trên lợi ích tiềm năng mà dự án có thể mang lại sau khi kết thúc để quyết định xem có nên lựa chọn dự án hay không.
 - A. kết thúc dự án
 - B. thực hiện dự án
 - C. lập kế hoạch
 - D. xác định dự án
3. Bước đầu tiên trong việc xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro là gì?
 - A. Phân tích rủi ro.
 - B. Ước tính khả năng xảy ra rủi ro.
 - C. Xác định những rủi ro tiềm ẩn của dự án.
 - D. Xây dựng kế hoạch giảm thiểu rủi ro.
4. Việc nào sau đây đánh giá xác suất và hậu quả của các rủi ro bằng cách sử dụng các trọng số?
 - A. Phân tích rủi ro định tính
 - B. Nhận diện rủi ro
 - C. Phân tích rủi ro định lượng
 - D. Lập kế hoạch ứng phó rủi ro
5. Việc nào sau đây đánh giá xác suất và hậu quả của các rủi ro có tác động đến các mục tiêu của dự án, gán trọng số cho từng rủi ro và dựa vào đó xây dựng danh sách các rủi ro?
 - A. Phân tích rủi ro định lượng
 - B. Nhận diện rủi ro
 - C. Phân tích rủi ro định tính
 - D. Lập kế hoạch quản lý rủi ro
6. Nếu người quản lý dự án lập một khoản dự phòng để quản lý rủi ro trong dự án, điều này có nghĩa là:
 - A. Né tránh
 - B. Chấp nhận thụ động
 - C. Giảm nhẹ
 - D. Chủ động chấp nhận

7. Nhóm quản lý dự án đã quyết định không thay đổi kế hoạch quản lý dự án trong việc đối phó với một rủi ro cụ thể. Đây là một ví dụ về:
- A. Phản ứng ngẫu nhiên
 - B. Chấp nhận
 - C. Kế hoạch dự phòng
 - D. Né tránh
8. Để quản lý rủi ro cho một dự án em sẽ KHÔNG chọn cách thức nào trong số những cách thức sau?
- A. Sử dụng nguồn lực hiện có
 - B. Lập kế hoạch dự phòng
 - C. Đầu tư vào các nguồn lực mới
 - D. Động não
9. Ban quản lý dự án quyết định chấm dứt dự án ngay lập tức vì mức độ rủi ro rất cao. Đây là một ví dụ về:
- A. Né tránh rủi ro
 - B. Chấm dứt rủi ro
 - C. Giảm thiểu rủi ro
 - D. Đóng dự án

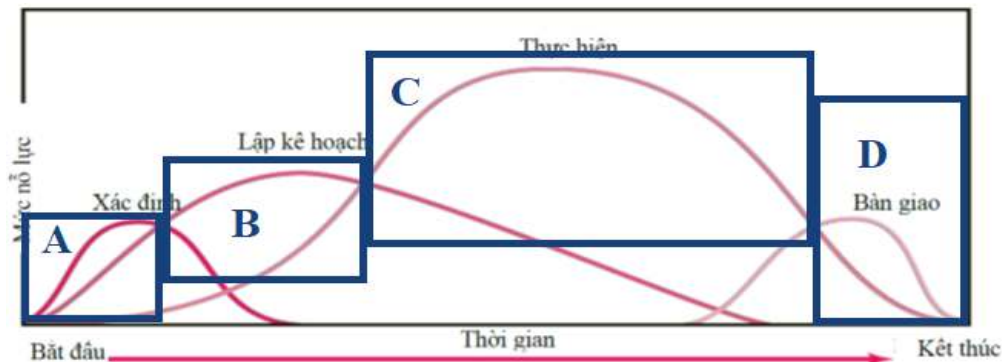
II. CÂU TRUNG BÌNH

10. Giả sử một dự án dự kiến sẽ có giá trị tiền mong đợi (EMV) là 100.000 USD, điều này có nghĩa là?
- A. Một giá trị không đáng quan tâm
 - B. Một cơ hội đáng đầu tư
 - C. Một thiệt hại thực sự của dự án
 - D. Một con số thực tế của dự án
11. “Rủi ro” thường sẽ _____, tương ứng với thời gian thực hiện dự án.
- A. tăng lên
 - B. giảm đi
 - C. không thay đổi
 - D. không đáng kể
12. Trong quản lý dự án, phương pháp nào sau đây KHÔNG phải là phương pháp làm giảm tác động của rủi ro?
- A. Né tránh
 - B. Chia sẻ
 - C. Chuyển giao
 - D. Loại bỏ
13. Vì sao trong chiến lược Né tránh rủi ro (Avoid) có thể cần điều chỉnh phạm vi dự án?
- A. Để hiểu các báo cáo trong dự án.
 - B. Để phản ánh sự thay đổi trong kế hoạch hoặc mục tiêu dự án nhằm loại bỏ mọi đe dọa.
 - C. Để bắt đầu lập kế hoạch cho dự án.
 - D. Để chỉ cho các thành viên của nhóm dự án những điều cần biết về nhiệm vụ của mình.

14. Hoàn thành câu sau: Khi dự án bước vào giai đoạn thực hiện thì:
- A. những rủi ro liên quan đến các công việc đã hoàn thành sẽ được đánh giá lại và loại trừ.
 - B. số lượng rủi ro của dự án thường tăng lên.
 - C. có thể áp dụng một chiến lược ứng phó rủi ro để phân tích rủi ro một cách chi tiết nhất.
 - D. cần phân tích rủi ro để đảm bảo dự án sẽ tránh được tất cả các rủi ro có thể xảy ra.
15. Phát biểu nào sau đây về rủi ro dự án là đúng nhất?
- A. Quản lý rủi ro dự án là tập trung vào việc xác định, đánh giá và loại bỏ các rủi ro đối với dự án.
 - B. Quản lý rủi ro chỉ là để loại trừ rủi ro.
 - C. Rủi ro dự án là một sự kiện không chắc chắn, ngay cả khi nó xảy ra cũng không làm ảnh hưởng đến các mục tiêu của dự án.
 - D. Không có bất kỳ dự án nào mà không có rủi ro.
16. Nhận xét nào dưới đây về kế hoạch quản lý rủi ro là không đúng?
- A. Kế hoạch quản lý rủi ro là đầu ra của quy trình lập kế hoạch quản lý rủi ro.
 - B. Kế hoạch quản lý rủi ro chỉ bao gồm việc mô tả các biện pháp ứng phó với rủi ro cũng như nguyên nhân gây ra rủi ro.
 - C. Kế hoạch quản lý rủi ro bao gồm các ngưỡng rủi ro, các phương pháp tính điểm và diễn giải, các bên chịu trách nhiệm cũng như ngân sách.
 - D. Kế hoạch quản lý rủi ro là đầu vào cho tất cả các quy trình lập kế hoạch rủi ro còn lại.
17. Quá trình nào quyết định được những rủi ro có khả năng làm ảnh hưởng đến dự án?
- A. Kế hoạch quản lý rủi ro
 - B. Lập kế hoạch ứng phó với rủi ro
 - C. Thực hiện phân tích rủi ro định tính
 - D. Xác định rủi ro
18. Giả sử công ty em mua những bộ vi xử lý máy tính từ một nhà cung cấp điện tử lớn, và chấp nhận trả thêm tiền để được bảo hành cho tất cả các lỗi từ nhà sản xuất trong vòng 3 năm. Vậy chiến lược ứng phó với rủi ro trong trường hợp này là gì?
- A. Khai thác
 - B. Né tránh
 - C. Giảm nhẹ
 - D. Chuyển giao
19. Mục đích chính của quy trình quản lý rủi ro dự án là:
- A. Xác định rủi ro dự án và sau đó quản lý những rủi ro này một cách thích hợp nhất.
 - B. Xác định tất cả các rủi ro của dự án và chuyển giao những rủi ro này sang một bên thứ ba ngay lập tức.
 - C. Xác định tất cả những gì có thể được cho là những nguy cơ hay cơ hội trong một dự án.
 - D. Đáp ứng quy trình quản lý dự án của công ty.

III. CÂU KHÓ

20. Kế hoạch quản lý dự án xác định rằng một phương pháp phát triển dự đoán đã được chọn để tạo ra các sản phẩm bàn giao của dự án. Rủi ro tổng thể của dự án sẽ thấp nhất ở đâu trong vòng đời dự án?



- A. Giai đoạn A
- B. Giai đoạn B
- C. Giai đoạn C
- D. Giai đoạn D

21. Nhận xét nào dưới đây về rủi ro là kém chính xác nhất?

- A. Rủi ro dự án là những sự kiện không chắc chắn.
- B. Nếu rủi ro xảy ra, chúng có thể có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến các mục tiêu của dự án.
- C. Những rủi ro chưa được biết đến sẽ là những hiểm họa đối với các mục tiêu của dự án và không thể lập kế hoạch ứng phó với những rủi ro đó.
- D. Rủi ro có thể mang lại nhiều lợi ích cho công ty hơn là hậu quả của nó.

22. Là một phần trong phân tích SWOT và phân tích rủi ro, nhóm của em đã xác định được những cơ hội nào có thể nảy sinh từ điểm mạnh và những nguy cơ nào xuất phát từ điểm yếu. Bước tiếp theo mà nhóm em cần làm sẽ là gì?

- A. Xác định xem rủi ro nào có thể ảnh hưởng đến dự án và những đặc điểm của các rủi ro đó là gì.
- B. Thực hiện các kế hoạch ứng phó với rủi ro, theo dõi những rủi ro đã biết, nghiên cứu để xác định những rủi ro tiềm ẩn và đánh giá hiệu quả của quy trình xử lý rủi ro trong suốt dự án.
- C. Xác định cách thực hiện những hoạt động quản lý rủi ro cho một dự án.
- D. Dựa trên xác suất xảy ra để đánh giá mức độ ưu tiên của những rủi ro đã biết.

23. Thiết lập một khoản dự phòng rủi ro, bao gồm thời gian, ngân sách hay nguồn lực để ứng phó với rủi ro, là một ví dụ về:

- A. Né tránh rủi ro
- B. Chủ động chấp nhận rủi ro
- C. Chuyển giao rủi ro
- D. Lập kế hoạch ứng phó rủi ro không phù hợp do chưa xác định và tính toán được tất cả các rủi ro dự án

24. Câu nào sau đây mô tả không chính xác về rủi ro dự án?

- A. Rủi ro là một sự kiện hoặc một tình thế không chắc chắn.
- B. Cần phải xác định và quản lý rủi ro một cách đúng đắn.
- C. Cần phải quản lý rủi ro trong suốt quá trình thực hiện dự án.

D. Rủi ro có tác động rất tiêu cực đến mục tiêu dự án.

25. Quản lý rủi ro dự án có thể được mô tả một cách chính xác nhất là:

- A. Quản lý các ứng phó với những nguy cơ.
- B. Nhận diện và ghi nhận cả nguy cơ lẫn cơ hội.
- C. Lập kế hoạch ứng phó với những nguy cơ.
- D. Giảm thiểu tác động từ những nguy cơ và tận dụng tối đa các cơ hội.

26. Kết quả của việc xác định rủi ro trong quy trình quản lý rủi ro, là:

- A. Xác định tầm quan trọng của các rủi ro dự án.
- B. Xác định và mô tả tất cả các rủi ro có thể xảy ra đối với dự án.
- C. Xác định các cách thức ứng phó với các rủi ro của dự án.
- D. Xác định và mô tả các rủi ro đã xảy ra trong các dự án trước đó.

27. Với vai trò là quản lý dự án, em đang tổ chức một cuộc họp với các chủ thể liên quan chính nhằm xác định các rủi ro trong dự án. Ngay sau khi đã xác định được các rủi ro của dự án, em liền phân công một số thành viên trong nhóm làm chủ thể sở hữu rủi ro với nhiệm vụ lập kế hoạch ứng phó với từng rủi ro riêng lẻ của dự án.

Trong trường hợp này, em đã thực hiện đúng kế hoạch quản lý rủi ro chưa?

- A. Không đúng bởi vì em là người chịu trách nhiệm cuối cùng về kết quả của dự án nên em phải là người lập các kế hoạch ứng phó với rủi ro.
- B. Đúng bởi vì các kế hoạch ứng phó với rủi ro là đầu ra của quy trình Xác định Rủi ro và phải được lập ngay sau khi đã xác định được rủi ro.
- C. Không đúng bởi vì trước khi giao nhiệm vụ này cho các thành viên trong nhóm, thì em cần phải đánh giá xác suất xảy ra cũng như tác động của từng rủi ro.
- D. Đúng bởi vì các thành viên trong nhóm cần phụ trách việc quản lý rủi ro cũng như lập kế hoạch ứng phó với rủi ro càng sớm càng tốt.

28. Trong quá trình lập kế hoạch cho một dự án lớn và phức tạp, các thông lệ tốt nhất về quản lý dự án đã được áp dụng một cách nghiêm ngặt và triệt để. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, dự án đã trải qua một số rủi ro nghiêm trọng dù đã được xác định và lường trước. Dù đã được lập kế hoạch tỉ mỉ mà dự án vẫn không đạt được các mục tiêu đã đặt ra vì vẫn vướng phải những rủi ro này.

Vậy trường hợp này là do đã gặp phải vấn đề gì?

- A. Các rủi ro này đã không được xác định sớm hơn trước đó
- B. Những kế hoạch ứng phó với rủi ro đã không được thực hiện tốt
- C. Không phân tích rủi ro định tính một cách thích đáng
- D. Không có kế hoạch ứng phó hoặc ứng phó một cách qua loa với những rủi ro đã biết

29. Dự án đang trong quy trình chuyển đổi linh hoạt và việc này đòi hỏi các thành viên trong nhóm vẫn lưu giữ các kế hoạch ban đầu của dự án vào hệ thống quản lý mới, đồng thời nhập hết toàn bộ dữ liệu vào hệ thống mới. Nhóm nhận thấy rằng dữ liệu giữa 2 hệ thống không đồng bộ. Rủi ro này cũng đã được xác định trước trong quá trình lập kế hoạch dự án. Vậy theo em đâu là cách tốt nhất để người quản lý dự án có thể ứng phó với rủi ro này?

- A. Chấp nhận rủi ro vì việc chuyển đổi linh hoạt đề cao cá nhân và sự tương hỗ hơn quy trình và công cụ
- B. Ghi nhận rằng rủi ro hiện đã trở thành một vấn đề và cần phải được ứng phó theo kế hoạch
- C. Tiến hành đánh giá xác suất và tác động để xác định được thang điểm đánh giá rủi ro

D. Thông báo cho nhà đầu tư biết rằng công việc dự án có thể bị đình trệ do sai sót do người ghi chép

30. Để cung cấp được các sản phẩm của dự án sẽ cần phải mua những sản phẩm và dịch vụ từ các nhà cung cấp bên ngoài. Nhà quản lý dự án đã hướng dẫn nhóm để đưa ra được một danh sách đầy đủ các rủi ro riêng lẻ của dự án liên quan đến các việc thu mua này.

Vậy tốt nhất thì nhóm dự án nên làm gì trong trường hợp này?

- A. Tham khảo bản điều lệ dự án
- B. Xem xét các tài liệu liên quan đến việc mua hàng
- C. Lập sổ sách ghi chép đầy đủ thông tin mua hàng
- D. Lập ma trận xác suất và tác động của việc mua hàng này

31. Một dự án có 60% cơ hội thu được lợi nhuận 100.000.000 đồng và 40% khả năng lỗ 100.000.000 đồng. Giá trị tiền mong đợi cho dự án là:

- A. Lợi nhuận 100.000.000 đồng
- B. Lỗ 60.000.000 đồng
- C. Lợi nhuận 20.000.000 đồng
- D. Lỗ 40.000.000 đồng

32. Nếu 90% khả năng sẽ xảy ra rủi ro với thiệt hại là 10.000.000 đồng, thì 9.000.000 đồng sẽ là giá trị nào dưới đây?

- A. Giá trị rủi ro
- B. Giá trị hiện tại
- C. Giá trị tiền mong đợi
- D. Ngân sách dự phòng

33. Trong dự án của em, các thông số đã được ước tính như sau:

Xác suất 25% sẽ có lợi nhuận là 36.000.000 đồng

Xác suất 50% sẽ có lợi nhuận là 50.000.000 đồng

Xác suất 25% sẽ có lợi nhuận là 120.000.000 đồng

Vậy lợi nhuận dự kiến dự án của em là gì?

- A. 206.000.000
- B. 50.000.000
- C. 64.000.000
- D. 156.000.000

ĐÁP ÁN

CHƯƠNG 1					
1	B	21	C	4 1	A
2	C	22	D	4 2	C
3	D	23	A	4 3	D
4	D	24	D	4 4	D
5	B	25	B	4 5	D
6	B	26	C	4 6	C
7	D	27	C	4 7	C
8	B	28	D	4 8	A
9	C	29	A	4 9	C
10	B	30	D	5 0	B
11	A	31	B	5 1	C
12	A	32	A	5 2	D
13	D	33	A	5 3	D
14	A	34	B	5 4	A
15	D	35	D	5	A

CH.2	
1	D
2	A
3	C
4	A
5	C
6	D
7	D
8	C
9	B
10	B
11	B
12	D
13	C
14	B

CHƯƠNG 3					
1	A	21	D	41	B
2	A	22	B	42	A
3	D	23	D	43	C
4	A	24	D	44	D
5	C	25	C		
6	B	26	B		
7	D	27	A		
8	C	28	B		
9	A	29	D		
10	A	30	B		
11	D	31	D		
12	A	32	A		
13	C	33	D		
14	C	34	B		
15	B	35	D		

CH.4	
1	D
2	B
3	B
4	B
5	A
6	A
7	C
8	A
9	D
10	A
11	C
12	D
13	B
14	D

CHƯƠNG 5			
1	B	21	D
2	D	22	A
3	A	23	B
4	A	24	C
5	B	25	A
6	D	26	D
7	A	27	B
8	D	28	C
9	C	29	D
10	C	30	B
11	D	31	C
12	C	32	B
13	A	33	A
14	D	34	D
15	A	35	A

CH.6	
1	A
2	B
3	C
4	A
5	B
6	C

CHƯƠNG 7			
1	C	2 1	C
2	D	2 2	B
3	C	2 3	B
4	C	2 4	D
5	C	2 5	D
6	D	2 6	B
7	B	2 7	C
8	D	2 8	D
9	A	2 9	B
10	B	3 0	B
11	B	3 1	C
12	D	3 2	C
13	B	3 3	C
14	A		
15	D		

				5	
16	A	36	C	5 6	A
17	D	37	A	5 7	A
18	B	38	B		
19	B	39	A		
20	C	40	C		

16	B	36	A		
17	B	37	C		
18	A	38	B		
19	D	39	B		
20	A	40	D		

5			
1 6	D	36	A
1 7	C	37	B
1 8	D		
1 9	C		
2 0	B		

16	B		
17	D		
18	D		
19	A		
20	D		